TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:33/2018/DS-ST
Ngày:16-5-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng
Mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Ông Huỳnh Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:162/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:20/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị K**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **- Phan Văn T**, sinh năm 1964;

- Phạm Thị M, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang

(Tại phiên tòa có mặt bà K; vắng mặt ông T, bà M)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị K trình bày:

Ngày 20/11/2015 (âm lịch), bà có bán cho vợ chồng ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M tài sản là vật dụng trong gia đình gồm 01 cái bàn tròn inox giá 950.000đồng, 01 cái sào đồ inox giá 220.000đồng, 50 chén kiểu giá 350.000đồng, 01 đầu đĩa 05 số giá 1.450.000đồng; số tiền mua bán tổng cộng là

2.970.000đồng. Khi mua hàng có làm biên nhận mua hàng có ông T, bà M ký tên vào biên nhận, thỏa thuận tháng 02 năm 2016 (âm lịch) trả toàn bộ số tiền mua hàng. Đến hạn bà nhiều lần đến gặp ông T, bà M yêu cầu trả nợ nhưng ông T, bà M không trả tiền mua hàng cho bà. Nay bà yêu cầu ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M trả số tiền mua tài sản là 2.970.000đồng, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, gửi bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M nhiều lần nhưng ông T, bà M vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Võ Thị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M, bà K yêu cầu ông T, bà M trả số tiền mua tài sản 2.970.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ lời trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, pháp luật áp dụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị K yêu cầu ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M trả cho bà số tiền mua vật dụng trong gia đình gồm 01 cái bàn tròn inox, 01 cái sào đồ inox, 50 chén kiểu và 01 đầu đĩa 05 số, thời điểm thực hiện hợp đồng mua bán là năm 2015. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005 và bị đơn ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M có nơi cư trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Võ Thị K yêu cầu ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M trả số tiền mua 01 cái bàn tròn inox, 01 cái sào đồ

inox, 50 chén kiểu và 01 đầu đĩa 05 số là 2.970.000đồng. Quá trình mua bán bà K có lập biên nhận ghi rõ số lượng hàng và số tiền mua hàng, ông T, bà M có ghi họ tên biên nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định việc mua bán tài sản giữa bà K và ông T, bà M là có thật. Xét thấy việc bà K đã giao đủ tài sản mua bán là 01 cái bàn tròn inox, 01 cái sào đồ inox, 50 chén kiểu và 01 đầu đĩa 05 số nhưng ông T, bà M chưa thanh toán số tiền 2.970.000đồng là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nói rõ các chứng cứ nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện cho ông T, bà M được biết và có văn bản nêu rõ ý kiến của mình nhưng ông T, bà M không có ý kiến. Do vậy, ông T, bà M phải chịu hậu quả pháp lý của việc không có ý kiến theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 428, khoản 1 Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị K.

[4] Về phương thức trả nợ, thời điểm trả nợ: Tại phiên tòa bà Võ Thị K yêu cầu ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M trả một lần toàn bộ số tiền mua tài sản còn nợ là 2.970.000đồng, yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M đã vi phạm hợp đồng mua bán, nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005 và bà K đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà M trả tiền nhưng T, bà M không trả làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà K. Do vậy, bà K yêu cầu ông T, bà M trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M phải chịu án phí trên số tiền phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị K, ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 428, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị K.

- Buộc ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M trả cho bà Võ Thị K số tiền mua tài sản là 2.970.000đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng). Trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Kể từ ngày bà Võ Thị K có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M chậm thi hành việc trả tiền thì ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 18852 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Võ Thị K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Phan Văn T và bà Phạm Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương